

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng *(kế thừa Điều 1 QĐ 05 và ND 47)*

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, đa dạng sinh học, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

b) Quy chế này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước ngành tài nguyên và môi trường. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Đối với việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định tại Chương V của Quy chế này chỉ áp dụng hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Chương I của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

d) Đối với việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định tại Chương V của Quy chế này chỉ áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và áp dụng cho dạng dữ liệu không gian địa lý, cụ thể là các dữ liệu thông tin địa lý và dữ liệu viễn thám.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 3. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 5 NĐ 73)

Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng; đảm bảo an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu theo Điều 14 của Quy chế này.
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.
8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân (kế thừa Điều 6 NĐ 73)

Thực hiện theo Điều 6, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP quy định như sau:

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đúng quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan nhà nước góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, phục vụ lợi ích chung của xã hội.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 6 QĐ 05)

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của Pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện, **trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.**

2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định này theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành còn lại thực hiện:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin dữ liệu cần thu thập, cập nhật xây dựng kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do cơ quan, đơn vị phụ trách gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.**

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Hàng năm theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được phê duyệt trên địa bàn của đơn vị mình giao nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường, **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo theo quy định.** (kế thừa khoản 2 Điều 8 QĐ 05)

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, xây dựng kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 15 tháng 8 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch năm tiếp theo theo quy chế này.** (kế thừa khoản 2 Điều 7 QĐ 05)

6. Tổ chức, cá nhân có liên quan:

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước); các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Lập, phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 10 TT 03)

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, tham mưu lập kế hoạch thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm trên địa bàn tỉnh, theo các nguyên tắc, căn cứ và kế hoạch như sau:

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Bảo đảm thông tin, dữ liệu, tài liệu lưu trữ được thu nhận chính xác, đầy đủ, có hệ thống. Trường hợp tài liệu lưu trữ giấy và tài liệu lưu trữ điện tử có nội dung trùng nhau thì phải thu nhận cả hai loại;

c) Lồng ghép với các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ;

d) Bảo đảm thực hiện hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực.

2. Căn cứ lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật;

c) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Các chương trình, đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT là căn cứ thực hiện công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích, yêu cầu thu nhận, cập nhật thông tin, dữ liệu, tài liệu tài nguyên và môi trường;

b) Khối lượng thông tin, dữ liệu, tài liệu tài nguyên và môi trường cần thu nhận;

c) Nội dung công việc thu nhận thông tin, dữ liệu, tài liệu tài nguyên và môi trường;

d) Sản phẩm thu nhận thông tin, dữ liệu, tài liệu tài nguyên và môi trường;

đ) Kế hoạch, nguồn nhân lực thực hiện;

e) Tổ chức thực hiện;

g) Dự toán kinh phí (nếu có).

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm trên địa bàn tỉnh, trước **ngày 30/8 của năm trước thực hiện kế hoạch** và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường

để tổng hợp, theo dõi, quản lý trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

Điều 8. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, cùng các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện kế hoạch thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm. *(kế thừa khoản 2 Điều 8 QĐ 05)*

2. Thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

3. Quy trình thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 29 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

4. Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

5. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường *(kế thừa Điều 9 QĐ 05)*

1. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, xử lý, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu của mình. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu cấp tỉnh khi tiếp nhận, thu thập vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập phải biên tập, chỉnh lý, sắp xếp bảo đảm tính chính xác, tin cậy, thống nhất, an toàn của thông tin, dữ liệu.

Điều 10. Giao nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 10 QĐ 05)

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao về thu thập, tạo lập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường 01 (một) bộ dữ liệu theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

2. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng.

Chương III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Lưu trữ, bảo quản và tu bổ phục chế tài liệu lưu trữ tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 11 QĐ 05, Chương II TTư 03)

1. Thời hạn lưu trữ và bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập được phải được phân loại, đánh giá, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu, tài liệu nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở bàn giao thông tin, tài liệu tài nguyên và môi trường về lưu trữ cơ quan quản lý theo Danh sách quy định tại Phụ lục I đính kèm Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn cấp huyện.

6. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lưu trữ, bảo quản tài liệu, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tu bổ phục chế tài liệu lưu trữ theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 12. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 12 QĐ 05, Điều 12 NĐ 73)

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh được xây dựng phù hợp với khung kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường tỉnh và được tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; đồng thời phải phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 13. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 13 QĐ 05)

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần sao lưu theo quy định.

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 6 (sáu) tháng. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan.

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

Điều 14. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin (kế thừa Điều 14 NĐ 73)

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
(kế thừa Điều 15 NĐ 73)

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử, các ấn phẩm chuyên môn nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phạm vi, chức năng quản lý; các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

do mình tổ chức thu thập, quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

Điều 16. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 16 QĐ 05)

1. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, như sau:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu căn cứ danh mục thông tin, dữ liệu hiện có, lập phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này). Trường hợp là cá nhân thì phải mang theo căn cước công dân; trường hợp là tổ chức thì Lãnh đạo tổ chức phải ký tên và đóng dấu vào Phiếu yêu cầu hoặc có Giấy giới thiệu và cá nhân đại diện cho tổ chức khi đến khai thác dữ liệu phải trình căn cước công dân của mình.

Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây: qua hệ thống đăng ký trực tuyến, iGate; qua đường bưu điện có bảo đảm hoặc nộp trực tiếp tại Văn thư của Sở Tài nguyên và Môi trường; Hệ thống thông tin điện tử, trang thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

b) Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện truy cập trực tiếp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng trên hạ tầng mạng LAN, hoặc hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng (dùng chung) nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Các Sở, ban, ngành kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 17. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 17 QĐ 05)

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 18. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh (kế thừa Điều 5 ND 47)

1. Nguyên tắc chung về quản lý, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định như sau:

a) Dữ liệu hình thành trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật; không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; không được thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính nếu dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước khác cung cấp, sẵn sàng cung cấp thông tin qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác.

c) Việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

d) Dữ liệu chia sẻ phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật.

đ) Dữ liệu chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định trong Luật Phí và lệ phí.

e) Dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường chia sẻ cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Tổ chức, cá nhân được quyền khai thác dữ liệu của mình hoặc dữ liệu của tổ chức, cá nhân khác khi được tổ chức, cá nhân đó chấp nhận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- Các trường hợp ngoài quy định nói trên tại điểm này, dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường được chia sẻ cho tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh; giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 19. Vai trò và yêu cầu đối với môi trường điện tử trong việc chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Môi trường điện tử phục vụ việc chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp các hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu, dữ liệu, các dịch vụ Web chia sẻ dữ liệu, các phần mềm, ứng dụng của các cơ quan nhà nước được hoạt động theo cơ chế đồng vận hành, luôn sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu để các ứng dụng, phần mềm hay hệ thống bên ngoài có thể khai thác và sử dụng trực tuyến qua môi trường mạng giữa các cơ quan nhà nước.

2. Môi trường điện tử phục vụ việc chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường có khả năng kết nối với nhiều công nghệ nền tảng khác nhau nhưng chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua các dịch vụ Web theo các tiêu chuẩn mở quốc tế thống nhất và thông dụng.

3. Môi trường điện tử phục vụ việc chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường cung cấp điểm truy cập duy nhất để khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Môi trường điện tử có các công cụ phục vụ cho việc mô tả dữ liệu, tìm kiếm, tìm hiểu dữ liệu, tiếp cận dữ liệu để khai thác và sử dụng đúng mục đích, đúng mục tiêu và đúng quy định.

Điều 20. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử (kế thừa Điều 20 QĐ 05 hoặc Điều 23 NĐ 73)

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có

ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do tỉnh quản lý với các Bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

Điều 21. Các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản trong việc chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến ngành tài nguyên và môi trường đã được nhà nước ban hành; các tiêu chuẩn mở quốc tế liên quan đến dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THU THẬP, QUẢN LÝ, KẾT NỐI, CHIA SẺ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện (kế thừa QĐ 05)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện đối với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu thập, quản lý, cơ quan đầu mối công tác vận hành kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng và vận hành các thành phần công nghệ thông tin phục vụ cho công tác khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

b) Giao Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý, vận hành kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường.

đ) Định kỳ hàng năm tham mưu báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính:

Trên cơ sở đề xuất kinh phí của Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan đơn vị có liên quan và căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông:

Hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành còn lại thực hiện:

a) Chỉ định một cán bộ làm đầu mối phụ trách kết nối và chia sẻ dữ liệu; công khai số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, tên và vị trí, chức năng cán bộ đầu mối phụ trách. Cán bộ đầu mối phụ trách có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp, xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình đối với cơ quan, đơn vị bên ngoài. Công khai thông tin về đầu mối phụ trách kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, Ban, ngành có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, thực hiện lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do cơ quan đang quản lý, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước **ngày 15 tháng 8 hàng năm** để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập kế hoạch thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm; giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt.

d) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (*theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT*) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cử một cán bộ làm đầu mối phụ trách kết nối và chia sẻ dữ liệu; việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm.

b) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường tại địa phương; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng và thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (*kế thừa Điều 22 QĐ 05*)

1. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tuân thủ các nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 3 Quy chế này.

b) Không được chuyển thông tin, dữ liệu, tài liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

c) Không được giả mạo, làm sai lệch thông tin, dữ liệu, tài liệu đã được cung cấp để sử dụng.

d) Trả phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

e) Thông báo kịp thời về những sai sót (nếu có) của thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý.

g) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

h) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

2. Tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

c) Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại phụ lục đính kèm Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 24. Bảo vệ quyền sở hữu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (kế thừa Điều 29, 30 ND 73)

1. Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Các Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được phê duyệt và thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các căn cứ đã được phê duyệt, trừ trường hợp có yêu cầu thực hiện theo quy định của Quyết định này.

Điều 26. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện và có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh; các Sở, ban, ngành và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.